

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 303/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 26 – 6 – 2026

V/v xin ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Trường An.

Ông Nguyễn Công Trường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Nga Muội là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 478/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2026, về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 520/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Chị Võ Thị T, sinh năm: 1996 (Xin vắng mặt).

Số căn cước công dân: 096196001878, cấp ngày 05/10/2022;

Địa chỉ: Ấp P, xã P, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm: 1997 (Vắng mặt).

Số giấy chứng minh nhân dân: 381766754;

Địa chỉ: Ấp P, xã P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa chị Võ Thị T là nguyên đơn thể hiện:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Văn H chung sống vợ chồng với nhau vào năm 2016, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương, không có đăng ký kết hôn. Đến ngày 06/9/2017 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau (nay là xã P, tỉnh Cà Mau). Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc. Đến tháng 4 năm 2019 anh, chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh, chị bất đồng quan điểm và mâu thuẫn về kinh tế dẫn đến vợ chồng cự cãi thường xuyên. Mâu thuẫn giữa vợ chồng được cha, mẹ hai bên có tổ chức hòa giải hàn gắn nhưng không thành. Anh, chị không còn sống chung từ

cuối tháng 4 năm 2019 cho đến nay. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị T xác định: Anh, chị có hai người con chung tên Trần Huỳnh K, sinh ngày 14/02/2017, Trần Quốc K1, sinh ngày 08/7/2018, hiện các cháu đang sống cùng anh H. Khi ly hôn chị T yêu cầu anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Chị T khai vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại anh, chị.

Đối với anh Trần Văn H, trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn anh H đầy đủ, đúng theo quy định pháp luật thông qua mẹ ruột của anh H bà Huỳnh Thị N nhận thay nhưng anh H vẫn vắng mặt và không có văn bản thể hiện ý kiến, cũng không có đơn phản tố gửi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn khởi kiện của chị Võ Thị T về việc xin ly hôn với anh Trần Văn H thuộc lĩnh vực hôn nhân và gia đình được quy định tại các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; anh H là bị đơn có nơi cư trú tại Ấp P, xã P, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Anh Trần Văn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên tòa xét xử theo quy định nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Võ Thị T và anh Trần Văn H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán ở địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau (nay là xã P, tỉnh Cà Mau) vào ngày 06/9/2017 nên hôn nhân được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Quá trình chung sống anh, chị có nhiều mâu thuẫn. Xét thực tế cuộc sống chung của anh, chị có mâu thuẫn là đúng vì theo chị T thì vợ chồng anh, chị có xảy ra mâu thuẫn, mâu thuẫn đỉnh điểm anh, chị không còn quan tâm, chăm sóc, quý trọng nhau, cự cãi nhiều lần, mỗi người sống một nơi từ cuối tháng 4 năm 2019 cho đến nay. Trong khoảng thời gian này anh, chị không ai có biện pháp gì để khắc phục tình trạng mâu thuẫn của vợ, chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống hôn nhân của anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh H.

[4] Về con chung: Anh, chị có hai người con chung tên Trần Huỳnh K, sinh ngày 14/02/2017, Trần Quốc K1, sinh ngày 08/7/2018, hiện các cháu đang sống cùng anh H. Khi ly hôn chị T yêu cầu anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung.

Xét thấy việc nuôi dạy con là quyền và nghĩa vụ của chị T và anh H. Giao con cho chị T hoặc anh H trực tiếp nuôi dạy cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt

của con nhưng không phải giao con cho chị T hay anh H nuôi thì người không trực tiếp nuôi con bị tước đi các quyền chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung nhưng việc anh, chị không sống chung đã phần nào ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của con nên cần phải hạn chế đến mức thấp nhất việc ảnh hưởng đời sống và bảo đảm được việc học hành, sự phát triển tốt về thể chất, tinh thần của con. Bên cạnh đó, tại biên bản ghi ý kiến con thì cháu K, cháu K1 muốn ở cùng cha khi cha, mẹ ly hôn. Từ ngày chị T, anh H ly thân các con luôn ở với anh H và gia đình bên anh H, các cháu có cuộc sống ổn định và học hành tại địa phương nơi anh Hiếu sinh S. Hội đồng xét xử xét thấy cháu K, cháu K1 đang sống ổn định với anh H, các cháu có nguyện vọng muốn tiếp tục sống cùng với cha nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình để tránh sự xáo trộn tâm lý, cuộc sống của các con nên Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu K, cháu K1 cho anh H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Chị T không trực tiếp nuôi các con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: Chị T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ chung và người khác nợ lại: Chị T khai vợ chồng anh, chị không nợ ai và không ai nợ lại anh, chị nên không đề cập giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị T về việc xin ly hôn anh Trần Văn H.

2. Về con chung: Giao các cháu Trần Huỳnh K, sinh ngày 14/02/2017, Trần Quốc K1, sinh ngày 08/7/2018, hiện các cháu đang sống cùng anh H cho anh H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Chị T không trực tiếp nuôi các con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung và người khác nợ lại: Chị T khai vợ chồng anh, chị không nợ ai và không ai nợ lại anh, chị nên không đề cập giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, chị Võ Thị T phải chịu 300.000 đồng. Ngày 06 tháng 5 năm 2026, chị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0005616 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Võ Thị T, anh Trần Văn H vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND Khu vực 3 - Cà Mau;
- UBND xã Phú Mỹ.
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Lê Thúy Dung